TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2021
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.

2. Ông Lê Thanh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Si P, sinh năm: 1986; địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Quách S, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2020, nguyên đơn chị Lý Thị Si P trình bày:*

Chị P và anh Quách S có tổ chức tiệc cưới và đi đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, chị P và anh S sống chung rất vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2014, chị P và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, chị P cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị P cũng không còn tình cảm với anh S nên chị P và anh S đã không còn sống chung với nhau.

Trong thời gian hôn nhân, chị P và anh S có 01 (một) con chung tên Quách Thị Yến V, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012, hiện nay con đang sống cùng chị P. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Quách Thị Yến V, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012 và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/11/2020, nguyên đơn chị P thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cụ thể:*

Về con chung: Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Quách Thị Yến Vy, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012 cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

** Đối với bị đơn anh Quách S:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận *việc rút một phần yêu cầu khởi kiện* và đình chỉ giải quyết đối với *yêu cầu cấp dưỡng nuôi con* của chị P. Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại của chị P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P ly hôn với anh S. Về con chung: giao cháu Quách Thị Yến V, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con; anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, chị P không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị P khởi kiện anh S, cư trú tại ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, mà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh S vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*. Như vậy, chị P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi kết hôn, chị P và anh S có khoảng thời gian sống chung hạnh phúc với nhau. Đến năm 2014, chị P và anh S phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc nên chị P và anh S đã không còn sống chung và không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2014 cho đến nay. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị P và anh S để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng anh S không đến và chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị P và anh S đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị P và anh S có 01 (một) người con chung là cháu Quách Thị Yến V, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012, hiện nay con đang sống cùng chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định:*"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con,*

quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh S không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Mặc khác, từ khi chị P và anh S không còn sống chung với nhau cho đến nay, cháu V sống cùng chị P, do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng và qua tham khảo ý kiến của cháu V có nguyện vọng sống cùng với chị P. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu V thì tiếp tục giao cháu V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P là giao cháu V cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Tại đơn khởi kiện, chị P có yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị P là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra xem xét đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 2 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Si P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Si P được ly hôn với anh Quách S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Quách Thị Yến V, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012 cho chị Lý Thị Si P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

- Anh Quách S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Quách S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị Lý Thị Si P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006161 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Luân